

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC A – KHÁNH HÒA**

Bản án số: **78/2025/DS-ST**

Ngày 25-9-2025

V/v “*Tranh chấp H đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Tha

Ông Nguyễn Chung

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Công Bình – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực A – Khánh Hoà.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Khánh Hoà tham gia phiên
tòa:* Ông Nguyễn Văn Linh – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực A – Khánh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp H đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Ngày 14/5/2025, bà Nguyễn Thị Thanh T vay của bà số tiền 7.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng. Đến hạn bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà T không trả. Nay bà yêu cầu bà T trả cho tôi số tiền đã vay 7.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là

0,83%/tháng tính từ ngày 15/6/2024 đến ngày 15/8/2025 là 14 tháng là 813.400 đồng.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt nên không có lời khai.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, có cơ sở xác định bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vay của bà Huỳnh Thị H số tiền 7.000.000 đồng nhưng chưa trả. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác định tình trạng hôn nhân của bị đơn để có căn cứ xác định nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đã được triệu tập H lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Khánh Hòa trả số tiền vay. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp H đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Khánh Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

[3]. Về nội dung vụ án:

Theo giấy ghi ngày 14/5/2024 do nguyên đơn cung cấp thể hiện, bà Nguyễn Thị Thanh T vay của bà Huỳnh Thị H số tiền 7.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 14/6/2024. Do đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà T vẫn không trả tiền vay cho bà H theo thỏa thuận. Bà H yêu cầu bà T trả số tiền đã vay và trả tiền lãi tính từ ngày 15/6/2024 đến ngày 15/8/2025 với mức lãi suất 0,83%/tháng x 7.000.000 đồng x 14 tháng = 813.400 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn bà T đã vi phạm thời hạn trả nợ cho bà H theo thỏa thuận. Tòa án đã triệu tập nhưng bà T vắng mặt, không có thiện chí trả nợ cho bà H nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc bà T phải trả cho bà H số tiền đã vay là 7.000.000 đồng. Đối với tiền lãi, bà H yêu cầu mức lãi suất

0,83%/tháng là phù H quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh tình trạng hôn nhân của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và giấy nợ do bà T trực tiếp ký xác nhận nên phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, do đó không cần thiết tạm ngừng phiên tòa để xác minh tình trạng hôn nhân của bà T.

[4]. Về án phí:

Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu $7.813.400 \text{ đồng} \times 5\% = 390.670 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002518 ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQU14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Huỳnh Thị H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền **7.813.400 đồng** (gồm 7.000.000 đồng tiền gốc và 813.400 đồng tiền lãi).

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 390.670 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002518 ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường H bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND KV A – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương